

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
hợp nhất quý 4 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2020

STT	CHỈ TIÊU	Mã	QUÝ IV NĂM 2020	QUÝ IV NĂM 2019	CHÊNH LỆCH	%
		số				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	508.577.297.342	409.128.009.857	99.449.287.485	124,31
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	190.726.903	123.876.364	66.850.539	153,97
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	10	508.386.570.439	409.004.133.493	99.382.436.946	124,30
4	Giá vốn hàng bán	11	375.636.358.446	307.569.354.350	68.067.004.096	122,13
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	132.750.211.993	101.434.779.143	31.315.432.850	130,87
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.543.568.635	24.473.144.440	(5.929.575.805)	75,77
7	Chi phí tài chính	22	848.465.745	1.336.132.986	(487.667.241)	63,50
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23	1.905.302.980	4.787.308.571	(2.882.005.591)	39,80
8	Chi phí bán hàng	24	9.211.882.442	8.166.268.850	1.045.613.592	112,80
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	37.776.324.544	28.182.677.929	9.593.646.615	134,04
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	30	103.457.107.897	88.222.843.818	15.234.264.079	117,27
11	Thu nhập khác	31	6.482.926.806	8.252.845.217	(1.769.918.411)	78,55
12	Chi phí khác	32	6.707.130.881	3.552.719.128	3.154.411.753	188,79
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(224.204.075)	4.700.126.089	(4.924.330.164)	(4,77)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50	103.232.903.822	92.922.969.907	10.309.933.915	111,10
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22.413.690.783	20.127.283.623	2.286.407.160	111,36
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	204.249.748	(838.512.915)	1.042.762.663	(24,36)
17	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	80.614.963.291	73.634.199.199	6.980.764.092	109,48
18	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	60.261.838.106	74.676.834.055		
19	Lợi nhuận sau thuế của công đồng không kiểm soát	62	20.353.125.185	(1.042.634.856)		
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.502	1.861		
21	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	1.502	1.861		

Giải Trình:

Trong quý 4 năm 2019: Sản lượng tiêu thụ là: 5.831,62 tấn; Giá bán bình quân: 33.497.824 VND/tấn.

Trong quý 4 năm 2020: Sản lượng tiêu thụ là: 6.530,68 tấn; Giá bán bình quân: 39.584.859 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý 4 năm 2020 cao hơn quý 4 năm 2019. Và giá bán bình quân cao hơn quý 4 năm 2019. (giá bán bình quân quý 4 năm 2020 tăng : 6.087,035VND/tấn hay tăng: 18,17 % so với quý 4 năm 2019).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2020 tăng : 15.234.264.079 VND hay tăng 17,27% so với quý 4 năm 2019.

+ Lợi nhuận khác quý 4 năm 2020 giảm : 4.924.330.164VND.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2020 tăng: 6.980.764.092VND hay tăng : 9,48% so với quý 4 năm 2019. *h*

Nơi nhân:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)



Hồ Cường